

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SA THẦY
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 03/8/2021.

Về việc “*Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SA THẦY-TỈNH KONTUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ry Thị Mỹ Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Thư và ông Phạm Thanh Luyến.

*- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hương- Thư ký Toà án nhân dân huyện Sa
Thầy.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum tham gia
phiên tòa: Bà Dương Thị Hải Hà - Kiểm sát viên.*

Ngày 03/8/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 37/2021/TLST-HNGĐ ngày 17/3/2021 về tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con chung*”; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23/6/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Y T, sinh năm 1987 (Có mặt).

Địa chỉ: thôn Klâu Ng Ng, xã I Ch, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- Bị đơn: Anh A Bl, sinh năm: 1979 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Làng R, xã Y X, huyện S Thầy, tỉnh Kon Tum

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn- chị Y T trình bày và yêu cầu như sau:

Tôi và anh A Blyêu thương nhau, tự nguyện tìm hiểu và chính thức về sống chung với nhau vào năm 2012 và đến năm 2014 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y X, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum vào ngày 26/8/2014. Chúng tôi yêu thương nhau và tự nguyện kết hôn, không bị ai ép buộc.

Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì tôi đi xuất khẩu lao động, khi về nước vào năm 2018 tôi về bên ngoại sống luôn. Do trong thời gian sống chung anh A Bl hay đánh đập, khi tôi đi xuất khẩu lao động còn nghe thông tin anh A Bl ngoại tình. Chúng tôi có hòa giải và tôi đã tha thứ cho anh A Bl nhiều lần nhưng anh A Bl không thay đổi nên tôi phải gọi người

nhà sang đón. Từ đó đến nay, tôi nhiều lần yêu cầu anh A Bly hôn nhưng anh không đồng ý mà bắt tôi phải chịu phạt theo luật làng.

Nay, tôi thấy cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng tôi không còn tình cảm nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh A Blê.

Về con chung: Trước khi về sống chung với nhau tôi đã có thai với người khác và anh A Bl thống nhất khai sinh A Rơ Ch T là con chung giữa tôi và anh A Bl. Sau khi về chung sống với nhau, chúng tôi có 01 con chung là Y Ki Doanh, sinh ngày 30/12/2013. Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết giao các con chung cho tôi trực tiếp nuôi dưỡng, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tôi xin rút và không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền 60.000.000 đ (*Sáu mươi triệu đồng*) mà tôi đã trả nợ thay cho anh A Bl trong thời gian hôn nhân.

- Đối với bị đơn anh A Bl: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh và niêm yết công khai các văn bản tố tụng, anh A Bl cũng nhận được giấy báo qua đường bưu điện nhưng anh A Bl cố tình không đến Tòa án làm việc.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sa Thầy phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:***

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX và thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng việc thụ lý vụ án về trình tự, thủ tục, thẩm quyền. Việc xác định mối quan hệ tranh chấp, tư cách những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn giải quyết, quyết định đưa vụ án ra xét xử ... Hoạt động giải quyết của Thẩm phán đảm bảo đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa: HĐXX đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt văn bản đồng thời niêm yết theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên đề nghị HĐXX căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với anh A Bl theo quy định pháp luật.

3. Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của chị Y T, xử cho chị Y T được ly hôn với anh A Bl.

- Về con chung: Đề nghị giao các con chung A Rơ Ch Th, sinh ngày 07/01/2009 và Y K D, sinh ngày 30/12/2013 cho chị Y T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và tự lập được. Chị Y T không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Khi nộp đơn khởi kiện, chị Y T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh A Bl trả số tiền 60.000.000 đ (*Sáu mươi triệu đồng*) mà chị Y T đã trả nợ thay cho anh A Bl. Tuy nhiên, đến ngày 29/4/2021 chị Y T rút yêu cầu về phần tài sản chung, do vậy đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự - Đình chỉ về yêu cầu chia tài sản chung của chị Y T.

- Về án phí: chị Y T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe các đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Chị Y T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Sa Thầy giải quyết được ly hôn với anh A Bl. Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, anh A Bl có đăng ký nhân khẩu thường trú tại làng R, xã Y X, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum. Do vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum.

Đối với bị đơn anh A Bl: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng anh A Bl vẫn cố tình không đến Tòa án làm việc. Do đó, anh A Bl đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với anh A Bl.

Về yêu cầu tài sản chung của chị Y T: Tại đơn khởi kiện chị Y T yêu cầu chia đối với khoản tiền nợ 60.000.000đ (*Sáu mươi triệu đồng*) mà chị đã trả nợ thay cho anh A Bl trong thời gian hôn nhân. Tuy nhiên, ngày 29/4/2021 và tại phiên tòa chị Y T rút yêu cầu về khoản tiền này. HĐXX xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị Y T là tự nguyện. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Y T.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Y T và anh A Bl sống chung với nhau từ năm 2012. Đến năm 2014 tự nguyện đăng ký kết hôn và được UBND xã Y X, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 26/8/2014. Căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình thì hôn nhân giữa chị Y T và anh A Bl là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn thấy rằng: Theo chị Y T thì sau khi kết hôn chung sống với nhau tại xã Ya Xiêr, do cuộc sống khó khăn nên năm 2017 chị Y T xuất khẩu lao động. Năm 2018 chị Y T về nước và nghe mọi người nói anh A Blngoại tình. Sống với nhau một thời gian thì chị Y T trở về bên mẹ ruột ở thành phố Kon Tum sống vì anh A Blnhường đánh đập chị. Thời gian đó, 02 vợ chồng có hòa giải và chị Y T đã tha thứ cho anh A Blnhiều lần nhưng anh A Blnhông thay đổi nên chị phải gọi người nhà sang đón mẹ con chị về nhà mẹ đẻ ở. Kể từ năm 2018 cho đến nay hai người đã sống ly thân, anh A Blnhông quan tâm đến cuộc sống của mẹ con chị Y T.

Quá trình Tòa án giải quyết anh A Blnhà đã được thông báo về việc chị Y T yêu cầu được ly hôn nhưng không đến Tòa án làm việc điều đó chứng tỏ anh không có thiện chí hàn gắn và đoàn tụ gia đình. Tại phiên tòa, chị Y T khẳng định không còn tình cảm với anh A Blnữa và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Từ cơ sở trên thấy, hôn nhân giữa chị Y T và anh A Blnhà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Y T đối với anh A Bln.

2.2. Về con chung: Theo lời trình bày của chị Y T thì trước khi về chung sống với nhau chị Y T đã có thai với người khác, khi đó anh A Blnhông nhận đó là con chung và đã đi khai sinh tên A R Ch T, sinh ngày 07/01/2009, sau khi về sống chung có thêm 01 con chung là Y K D, sinh ngày 30/12/2013. Khi ly hôn chị Y T có nguyện vọng được nhận nuôi các con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng.

Tại các bản tự khai của các cháu A R Ch Th và Y k D đều có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Xét thấy, hiện các con chung đang còn nhỏ cần có sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ, hiện chị Y T có chỗ ở và có thu nhập ổn định, anh A Blnđang hưởng trợ cấp người tàn tật. Để đảm bảo quyền và lợi ích của các con, cần chấp nhận yêu cầu của chị Y T và giao các con chung cho chị Y T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị Y T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 244; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51; 56; 57; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về chia tài sản chung của chị Y T.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*” của chị Y T.

Xử:

1. **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Y T được ly hôn với anh A Blê.

2. **Về con chung:** Giao các con chung A Rơ Ch Th, sinh ngày 07/01/2009 và Y K D, sinh ngày 30/12/2013 cho chị Y T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, tự lập được. Chị Y T không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh A Blê có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. **Về án phí:** Chị Y T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.800.000đ (*Một triệu tám trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/00004163, ngày 17/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum. Hoàn trả lại cho chị Y T số tiền 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*).

4. **Về quyền kháng cáo:** Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 03/8/2021), nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Đối với anh A Blê vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kon Tum;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Ya Xiêr, h. Sa Thầy;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Ry Thị Mỹ Hoàng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SA THẦY

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

